

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **70/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/6/2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Và Kíu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Doãn Đức Hùng

Ông Vũ Xuân Tuất

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Sùng A Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 392/TLST – HNGĐ ngày 17/5/2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Văn D** – sinh năm 1992

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp 1, xã ST, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị **Lê Thị Thanh N** – sinh năm 1998

Nơi cư trú: Ấp HL, xã HT, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(anh D, chị N cùng có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn anh Trần Văn D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn D và chị Lê Thị Thanh N tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn ngày 24/07/2018 tại UBND xã HT, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do chị N không có trách nhiệm với gia đình, không có tiếng nói chung, mỗi lần cãi vã thì chị N lại ôm con về nhà mẹ ruột sinh sống, giữa năm

2019 thì anh và chị N không sống chung với nhau. Tại Tòa, anh D xác định không còn tình cảm đối với chị Lê Thị Thanh N. Do vậy, anh D yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Thanh N.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là Trần Hải Đ, sinh ngày 01/3/2019. Khi ly hôn, anh D yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện anh D đang làm công nhân thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 5.600.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn chị Lê Thị Thanh Nương trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh D tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn ngày 24/07/2018 tại UBND xã HT, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh không có tiếng nói chung, thường xuyên dùng những lời lẽ xúc phạm đến chị và gia đình chị. Ngoài ra anh D còn dùng vũ lực đánh đập chị. Từ cuối năm 2019 thì với chồng không sống chung với nhau. Tại tòa, chị xác định tình cảm của chị N đối với anh D không còn. Anh D yêu cầu ly hôn thì chị N đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là Trần Hải Đ, sinh ngày 01/3/2019. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện tại chị N đang làm công nhân công ty Pousung, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về nội dung: Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của anh D là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho anh D được ly hôn với chị Nương. Về con chung: Giao cháu Trần Hải Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Trần Văn D yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Thanh N sinh năm: 1992, có nơi cư trú tại: Ấp HL, xã HT, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về Thủ tục tố tụng: Vụ án được giải quyết theo thủ tục thông thường.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24 tháng 7 năm 2018, hôn nhân của anh D và chị N phù hợp với các Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa, anh D giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị N. Chị N đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh D.

Anh D và chị N đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không có sự thông cảm, chia sẻ với nhau, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải, tuy nhiên không đạt được kết quả, hơn nữa, hiện nay anh D và chị N đã không chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay. Vợ chồng không thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng với nhau.

Từ những nhận định, phân tích trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh D yêu cầu ly hôn với chị N là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 xét cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn D.

3.2 Về con chung: Anh D, chị N có 01 (một) con chung là Trần Hải Đ, sinh ngày 01/3/2019.

Xét, yêu cầu của anh D và chị N cùng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ thì thấy: Hiện cháu Đ đang được chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu Đ mới được 27 tháng 24 ngày (sinh ngày 01/3/2019). Theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng...*”. Do vậy, cần thiết giao cháu Đ cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đúng theo quy định của pháp luật.

Xét, yêu cầu của anh D được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Hải Đ không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do hiện tại chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, tạm thời anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3.3 Về tài sản chung, nợ chung: Anh D, chị N trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, anh Dũng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; 35; 39; 147; 220; 264; 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn D đối với chị Lê Thị Thanh N về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn D được ly hôn với chị Lê Thị Thanh N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 01/3/2019 cho chị Lê Thị Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Anh Trần Văn D được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Anh Trần Văn D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh Dũng đã nộp theo biên lai thu số 0007577 ngày 10 tháng 5 năm 2021 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Anh D đã nộp đủ tiền án phí.

4. Anh D, chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAT, THA, VKS;
- Đương sự;
- UBND xã Hưng Thịnh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Và Kíu